

Bản án số: 125a/2024/DS-ST

Ngày: 27/9/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tổng Nê
2. Bà Âu Thị Kiều Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 399/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thảo N, sinh năm: 1999; Địa chỉ: 1, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà N ủy quyền cho: Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm: 2001; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

* **Bị đơn:** Bà Võ Thị Bích P, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre

Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre .

Bà V có mặt có tại phiên tòa, bà P, ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tường V trình bày:

Trước đây ông H có quen biết với vợ chồng bà P, ông T. Sau đó thì bà P có hỏi mượn tiền của ông H để làm ăn kinh doanh của gia đình. Do cũng là chỗ quen biết từ trước và cũng muốn giúp đỡ bà P có vốn làm ăn nên ông Hòa đồng Ý cho bà P vay tiền. Từ khoảng tháng 5 đến cuối năm 2022 ông H có cho bà P vay nhiều lần tiền. Cụ thể: Vào ngày 12/5/2022, ông H có cho bà P vay số tiền là 10.000.000đồng, việc vay tiền này được bà P viết giấy nhận nợ, có ký xác nhận và ông H đã giao đủ tiền cho bà P. Ngày 16/11/2022, ông H có cho bà P vay số tiền là 63.500.000đồng, việc vay tiền này được bà P viết giấy nhận nợ, có ký xác nhận và ông H đã giao đủ tiền cho bà P. Tổng cộng số tiền mà ông H đã cho bà P vay là 73.500.000đồng. Bà P hứa trong vòng 03 tháng sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên khi đến hạn thì bà P không trả nợ cho ông H, mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu bà P thanh toán số nợ trên cho ông H nhưng vợ chồng bà P không có bất kỳ đồng thái nào trả tiền cho ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà P, ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vốn vay là 73.500.000đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 16/02/2023 đến tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/9/2024 là 19 tháng 11 ngày với số tiền lãi là 11.838.000đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông H yêu cầu bà P, ông T phải trả là 85.338.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Bích P và ông Nguyễn Minh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Võ Thị Bích P và ông Nguyễn Minh T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của bà Võ Thị Bích P và ông Nguyễn Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H với bà Võ Thị Bích P và ông Nguyễn Minh T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà P và ông T có hộ khẩu thường trú tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Bà Võ Thị Bích P và ông Nguyễn Minh T vắng mặt không lý do mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông T là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ông H khởi kiện yêu cầu bà P, ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay là 73.500.000đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 16/02/2023 đến tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/9/2024 là 19 tháng 11 ngày với số tiền lãi là 11.838.000đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông H yêu cầu bà P, ông T phải trả là 85.338.000đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông H là giấy mượn tiền đề ngày 12/05/2022 và ngày 16/11/2022 có nội dung bà P có mượn tiền ông H và có chữ ký của bà P ký xác nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo yêu cầu phía ông H cung cấp chứng cứ, chứng minh số tiền nợ mà ông H đang khởi kiện bà P, ông T là nợ chung. Tuy nhiên hết thời hạn giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ phía ông H vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền nợ trên là nợ chung của bà P và ông H.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các biên nhận mượn tiền mà ông H cung cấp vào ngày 12/05/2022 và ngày 16/11/2022 thể hiện bà P có vay của ông H số tiền 73.500.000đồng có chữ ký xác nhận của bà P. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo việc việc giao nộp, kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Nhưng bà Võ Thị Bích P, ông Nguyễn Minh T không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng quy định nên được chấp nhận. Tuy nhiên, xét về yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả số nợ trên tại các biên bản nhận tiền mà ông H cung cấp thể hiện chỉ có chữ ký của bà P, không có chữ ký xác nhận vay nợ của ông T. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo yêu cầu phía ông H cung cấp chứng cứ, chứng minh số tiền nợ mà ông H đang khởi kiện bà P, ông T là nợ chung. Tuy nhiên hết thời hạn giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ phía ông H vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền nợ trên là nợ chung của bà P và ông H. Do đó không có cơ sở buộc ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả số tiền nợ nêu trên.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông H với số tiền nợ 73.500.000 ồng từ ngày 16/02/2023 đến tính đến ngày 27/9/2024. Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền mà bà P vay của ông H không có thỏa thuận về lãi suất. Do đó, mức lãi suất bên nguyên đơn yêu cầu là 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Cụ thể từ ngày 16/02/2023 đến tính đến ngày 27/9/2024 là 19 tháng 11 ngày với số tiền lãi là 11.814.635đồng.

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở buộc bà P có nghĩa vụ trả cho ông H tổng cộng số tiền là 85.314.635đồng

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.793.146đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466; 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H
- Buộc bà Võ Thị Bích P trả cho ông H số tiền nợ là 85.314.635đồng. Trong đó gồm tiền vốn vay là 73.500.000đồng và số tiền lãi là 11.814.635đồng.

Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Phạm Minh T1 liên đới trả số tiền nợ nêu trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Võ Thị Bích P phải nộp số tiền án phí là 3.793.146đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Mỹ Hạnh

